

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 8 - 2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử S thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lô Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quàng Văn Tiễn; bà Lò Thị Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tòng Thị Duyên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Sn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử S thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 181/2026/TLST-HNGĐ ngày 24/6/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Quàng Thị L, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Bản Nà L, xã Chiềng S, tỉnh Sn La. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lường Văn D, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Bản L, xã Chiềng S, tỉnh Sn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Quàng Thị L trình bày:

Tôi và anh D kết hôn với nhau từ năm 2019. Đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Lằm, huyện Sông Mã, tỉnh Sn La (nay là xã Mường Lằm, tỉnh Sn La). Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống với bố mẹ chồng tại bản Nà L II (nay là bản Nà L), xã Chiềng S, tỉnh Sn, chúng tôi sống hạnh phúc được một thời gian. Sau đó phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách hai vợ chồng không hợp tính cách nhau, thường xuyên cãi vã nhau, từ đó dẫn đến

bất đồng quan điểm cuộc sống vợ chồng, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên ngăn nhưng không thành mâu thuẫn ngày càng trầm trọng vợ chồng tôi sông ly thân nhau từ tháng 7 năm 2025 cho đến nay. Vì những lý do nêu trên, tôi thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được, do vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sn La giải quyết cho tôi ly hôn với anh Lương Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có với nhau 02 người con chung là cháu Lương Hữu Đ, sinh ngày 17/9/2019 và cháu Lương Minh Kh, sinh ngày 24/5/2021. Hiện nay đang ở với ông bà nội tại Bản Nà L, xã Chiềng S, tỉnh Sn. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi dưỡng chăm sóc các cháu Lương Hữu Đ và cháu Lương Minh Kh đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu anh Lương Văn D phải cấp dưỡng nuôi con cùng tôi.

Về tài sản chung, nợ chung: Cam không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng Đ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Lương Văn D hợp lệ nhiều lần nhưng anh D đều không có mặt, do vậy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh D đối với nội dung khởi kiện của chị L.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng của các đương sự như sau:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 21/7/2026 xác định: Chị Quảng Thị L và anh Lương Văn D kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Lầm, huyện Sông Mã, tỉnh Sn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã Mường Lầm, tỉnh Sn La). Sau khi kết hôn chị L và anh D chung sống với nhau tại bản Nà L II (Nay là bản Nà L), xã Chiềng S, tỉnh Sn La. Đến đầu năm 2025 anh D và chị L phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chính quyền địa phương không nắm rõ. Chị L và anh D có 02 con chung là cháu Lương Hữu Đ, sinh ngày 17/9/2019 và cháu Lương Minh Kh, sinh ngày 24/5/2021. Hiện nay đang ở với ông bà nội tại Bản Nà L, xã Chiềng S, tỉnh Sn

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết xét xử vắng mặt. Do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tổng Đ đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo

đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ thời điểm thụ lý vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được tổng Đ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX:

Về hôn nhân: Xử cho chị Quảng Thị L được ly hôn với anh Lương Văn D

Về con chung: Giao cháu Lương Minh Kh, sinh ngày 24/5/2021 cho chị Quảng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Giao cháu Lương Hữu Đ, sinh ngày 17/9/2019 cho anh Lương Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Chị L và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L cam kết không có, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Chị Quảng Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Chị Quảng Thị L khởi kiện đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn D và giải quyết vấn đề về con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Lương Văn D có địa chỉ tại xã Chiềng S, tỉnh Sn La, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sn La theo quy định tại Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc không hòa giải: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được, nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Đối với bị đơn đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ theo đúng quy định nhưng bị đơn không có mặt nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị L và anh Lường Văn D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Lầm, huyện Sông Mã, tỉnh Sn La (nay là Ủy ban nhân dân xã Mường Lầm, tỉnh Sn La) vào ngày 03/9/2019, việc kết hôn là tự nguyện không bị ai ép buộc, khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua các chứng cứ và tài liệu có trong hồ S vụ án cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị L và anh D xuất phát từ việc hai vợ chồng tính cách khác nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh Lường Văn D không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị Quàng Thị L thể hiện ý chí thiếu trách nhiệm, không còn quan tâm đến cuộc sống chung của gia đình và không có hành động gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 21/7/2026 chính quyền địa phương xác nhận hai vợ chồng chị L và anh D có cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đã sống ly thân. Xét mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng và cuộc sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không Đ được. Việc quyết định cho chị L ly hôn với anh D là có căn cứ, phù hợp với Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con chung: Chị Quàng Thị L và anh Lường Văn D có 02 con chung là Lường Hữu Đ, sinh ngày 17/9/2019 và cháu Lường Minh Kh, sinh ngày 24/5/2021. Chị Quàng Thị L có nguyện vọng muốn được nuôi cả 02 con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con cùng. Tại biên bản ghi ý kiến ngày 30/6/2026 đối với cháu Lường Hữu Đ, sinh ngày 17/9/2019 thì cháu Đ có nguyện vọng được ở cùng với bố. Do vậy, cần giao cháu Lường Hữu Đ, sinh ngày 17/9/2019 cho anh Lường Văn D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao Lường Minh Kh, sinh ngày 24/5/2021 cho chị Quàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Chi L và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng cho nhau.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Quàng Thị L khai nhận không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Quàng Thị L phải chịu án phí ly hôn S thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 3; Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Luật

số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Quàng Thị L đối với anh Lường Văn D.

Xử cho chị Quàng Thị L được ly hôn anh Lường Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Lường Minh Kh, sinh ngày 24/50/2021 cho chị Quàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Lường Hữu Đ, sinh ngày 17/9/2019 cho anh Lường Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Quàng Thị L và anh Lường Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau. Chị L và anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Quàng Thị L khai nhận không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Quàng Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình S thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0000712, ngày 24 tháng 6 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Sn La. Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sn La;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sn La (02);
- Các đương sự;
- UBND xã Mường Lầm, tỉnh Sn La;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Sn La;
- Lưu hồ S; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ S THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lô Văn Long